

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~9467~~/BTC-TCNH

Hà Nội, ngày ~~19~~ tháng 8 năm 2021

V/v thẩm định Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đặt cược, casino và trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài

Kính gửi: Bộ Tư pháp.

Ngày 24/5/2021, Bộ Tài chính có Công văn số 5374/BTC-TCNH lấy ý kiến các Bộ ngành, địa phương, doanh nghiệp đối với dự thảo Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh đặt cược, casino và trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài. Trên cơ sở ý kiến tham gia của các Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp, Bộ Tài chính đã tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định và hồ sơ xây dựng Nghị định gồm: (i) Tờ trình Chính phủ về dự thảo Nghị định; (ii) dự thảo Nghị định; (iii) Báo cáo về rà soát văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự thảo Nghị định; (iv) Báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến các cơ quan, tổ chức (*đính kèm*). Riêng đối với Tờ trình Chính phủ về dự thảo Nghị định, theo yêu cầu của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính đã gửi kèm theo Tờ trình Chính phủ số ~~149~~/TTr-BTC ngày ~~19~~/8/2021.

Căn cứ quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đề nghị Bộ Tư pháp có ý kiến thẩm định nội dung dự thảo Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh đặt cược, casino và trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài nêu trên. Ý kiến thẩm định của Quý cơ quan xin gửi về Bộ Tài chính **trước ngày 05/9/2021** để tổng hợp trình Chính phủ ký ban hành Nghị định.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý cơ quan./. *lll*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Hồ Đức Phớc (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế;
- Văn phòng Bộ;
- Thanh tra Bộ;
- Lưu: VT, Vụ TCNH (NTQTrang-6b). *ll*

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Đức Chi

Số: 445 /TTr - BTC

Hà Nội, ngày 19 tháng 8 năm 2021

TỜ TRÌNH

**Về việc ban hành Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính
trong lĩnh vực kinh doanh đặt cược, casino và trò chơi điện tử có thưởng
dành cho người nước ngoài
(Phục vụ lấy ý kiến thẩm định Bộ Tư pháp)**

Kính gửi: Chính phủ.

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh đặt cược, casino và trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài (sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị định) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH**1. Những kết quả đạt được**

Từ năm 2017, khung khổ pháp lý đối với lĩnh vực trò chơi có thưởng (gồm đặt cược, casino và trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài) được Chính phủ ban hành gồm: Nghị định số 86/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2013 về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài, Nghị định số 03/2017/NĐ-CP ngày 16/01/2017 về kinh doanh casino và Nghị định số 06/2017/NĐ-CP ngày 24/01/2017 về kinh doanh đặt cược đua ngựa, đua chó và bóng đá quốc tế (sau đây gọi tắt là 03 Nghị định chuyên ngành) và 02 Nghị định sửa đổi, bổ sung¹, trong đó quy định cụ thể về việc kinh doanh, quản lý hoạt động kinh doanh và xử phạt vi phạm hành chính nhằm tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên cả 3 phương diện: thể chế chính sách, quản lý, giám sát và xử lý vi phạm hành chính.

Việc Chính phủ ban hành 03 Nghị định nêu trên góp phần đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí của một bộ phận người chơi, tạo thêm dịch vụ gia tăng đối với các sản phẩm du lịch tại Việt Nam. Thị trường trò chơi có thưởng có sự phát triển về quy mô và từng bước được hiện đại hóa theo đúng đường lối, chủ trương của Nhà nước, đóng góp nguồn thu cho ngân sách nhà nước². Đối với nội

¹ Nghị định số 175/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều quy định tại Nghị định số 86/2013/NĐ-CP về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài và Nghị định số 151/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính.

² Đến cuối năm 2020, cả nước có 63 Điểm kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng (TCĐTCT); 09 Điểm kinh doanh casino; 01 doanh nghiệp kinh doanh đặt cược đua chó. Giai đoạn 2016 - 2020, số nộp NSNN của lĩnh vực trò chơi có thưởng đạt 14.083 tỷ đồng (bình quân khoảng 2.816 tỷ đồng/năm); tạo công ăn việc làm cho khoảng 10.000 lao động ở địa phương.

dụng xử phạt vi phạm hành chính, tại 03 Nghị định chuyên ngành quy định cụ thể về hành vi vi phạm hành chính; hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm hành chính; đối tượng bị xử phạt; thẩm quyền xử phạt, mức phạt tiền cụ thể theo từng chức danh và thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính qua đó đảm bảo tính pháp lý cho cơ quan quản lý nhà nước xử phạt và có tính răn đe doanh nghiệp trong quá trình triển khai thực hiện.

2. Một số tồn tại, hạn chế

Kể từ năm 2018, Bộ Tài chính đã phối hợp các Bộ, ngành, địa phương kiểm tra định kỳ các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực trò chơi có thưởng theo quy định của pháp luật nhằm: (i) Tăng cường công tác quản lý nhà nước và thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; (ii) Phối hợp thường xuyên, chặt chẽ, hiệu quả giữa các bộ, ngành, địa phương trong việc triển khai thực hiện quy định tại 03 Nghị định chuyên ngành. Đồng thời, Bộ Tài chính cũng tăng cường công tác quản lý, giám sát từ xa thông qua việc rà soát báo cáo tài chính kiểm toán, báo cáo hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để kịp thời giải quyết các tồn tại, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện. Trong quá trình quản lý, giám sát và kiểm tra trực tiếp tại doanh nghiệp, Bộ Tài chính nhận thấy cần thiết phải rà soát để hoàn thiện quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực vui chơi có thưởng nhằm đảm bảo xử phạt đúng tính chất, mức độ vi phạm, đảm bảo thống nhất, đồng bộ với hệ thống pháp luật hiện hành và tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Cụ thể:

- Tại 03 Nghị định chuyên ngành và các văn bản sửa đổi, bổ sung quy định cụ thể về hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức phạt tiền, biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm hành chính đối với từng loại hình trò chơi có thưởng. Tuy nhiên, một số quy định về hình thức xử phạt, mức phạt tiền, biện pháp khắc phục hậu quả chưa được quy định đồng bộ tại 03 Nghị định chuyên ngành; quy định về mức phạt tiền đối với một số hành vi vi phạm tại 03 Nghị định chuyên ngành chưa thống nhất với mức phạt tiền đối với các hành vi vi phạm tương tự quy định tại Nghị định xử phạt vi phạm hành chính của lĩnh vực quản lý nhà nước khác.

- Mức phạt tiền đối với một số hành vi vi phạm hành chính còn thấp, chưa phản ánh đúng tính chất, mức độ vi phạm và đảm bảo tính răn đe, nghiêm khắc của pháp luật. Theo quy định của pháp luật, hoạt động kinh doanh casino và đặt cược có quy mô đầu tư lớn hơn, tính chất và phạm vi kinh doanh phức tạp và rộng hơn so với hoạt động kinh doanh TCĐTCT³. Tuy nhiên, mức phạt tiền đối với một số hành vi vi phạm hành chính có tính chất tương đồng trong hoạt động kinh

³ Doanh nghiệp kinh doanh TCĐTCT chỉ được phép kinh doanh tại địa điểm cố định và chỉ được kinh doanh trên máy TCĐTCT (quá trình chơi diễn ra hoàn toàn tự động giữa người chơi và máy TCĐTCT, không có sự tham gia của người điều hành trò chơi). Doanh nghiệp kinh doanh casino được phép kinh doanh trên máy TCĐTCT và bàn trò chơi có thưởng (quá trình chơi diễn ra trực tiếp giữa người chơi và người điều hành các trò chơi trên bàn trò chơi có thưởng). Doanh nghiệp kinh doanh đặt cược được phép kinh doanh trên phạm vi toàn quốc.

doanh casino và đặt cược bằng với mức xử phạt trong kinh doanh TCĐTCT là chưa hợp lý, chưa đảm bảo đúng nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính phải căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả vi phạm.

- Tại Luật, phòng chống rửa tiền, Luật phòng, chống khủng bố quy định cụ thể về rửa tiền và các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn phòng, chống rửa tiền, phòng, chống khủng bố; kinh doanh trong lĩnh vực trò chơi có thưởng thuộc đối tượng điều chỉnh của các Luật này. Tuy nhiên, hiện chỉ có Nghị định số 06/2017/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm về phòng, chống rửa tiền trong hoạt động kinh doanh đặt cược, pháp luật về kinh doanh casino và TCĐTCT chưa có quy định.

- Ngày 13/11/2020, Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính số 67/2020/QH14 (gọi tắt là Luật XLVPHC), trong đó có điều chỉnh, bổ sung quy định mới về thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính, thẩm quyền xử phạt, mức phạt tiền cụ thể theo từng chức danh và giao Chính phủ hướng dẫn chi tiết. Triển khai thực hiện Luật XLVPHC, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 126/QĐ-TTg ngày 26/01/2021, trong đó giao Bộ Tài chính chủ trì, xây dựng Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đặt cược và trò chơi có thưởng.

Xuất phát từ thực trạng nêu trên, việc ban hành Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đặt cược, casino và TCĐTCT là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích

Thứ nhất, tiếp tục hoàn thiện quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực trò chơi có thưởng nhằm đảm bảo việc xử phạt vi phạm hành chính tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi vi phạm hành chính; đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa các hành vi vi phạm hành chính.

Thứ hai, sửa đổi, bổ sung các quy định về xử phạt đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực trò chơi có thưởng nhằm đảm bảo thống nhất, đồng bộ với hệ thống pháp luật hiện hành và mục tiêu quản lý nhà nước.

2. Quan điểm chỉ đạo

Thứ nhất, kế thừa các quy định về xử phạt vi phạm hành chính hiện đang quy định tại các Nghị định số 86/2013/NĐ-CP, Nghị định số 03/2017/NĐ-CP và Nghị định số 06/2017/NĐ-CP còn phù hợp với thực tiễn.

Thứ hai, sửa đổi, bổ sung mức xử phạt đối với các hành vi vi phạm trong tổ chức kinh doanh phù hợp với tính chất và mức độ vi phạm nhằm vừa đảm bảo tính răn đe, nghiêm khắc của pháp luật vừa tương quan với quy mô và phạm vi hoạt động của các lĩnh vực.

Thứ ba, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của các văn bản pháp luật, tăng cường hơn nữa hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý và thi hành pháp luật về trò chơi có thưởng nói riêng và pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính nói chung.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Triển khai thực hiện Quyết định số 126/QĐ-TTg ngày 26/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính đã tiến hành rà soát, đánh giá và có Công văn số 5374/BTC-TCNH ngày 24/5/2021 lấy ý kiến các Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp và Công thông tin điện tử của Chính phủ về dự thảo Nghị định.

2. Trên cơ sở tổng hợp ý kiến tham gia của các Bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp, Bộ Tài chính đã hoàn thiện dự thảo Nghị định và có Công văn số/BTC-TCNH ngày/.../2021 lấy ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp.

3. Ngày .../.../2021, Bộ Tư pháp có Báo cáo số...../BC-BTP thẩm định dự thảo Nghị định. Bộ Tài chính đã có Báo cáo số ngày .../.../2021 tiếp thu giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Bố cục

Dự thảo Nghị định bao gồm 04 Chương và 61 Điều, trong đó: Chương 1 về các quy định chung (06 Điều); Chương 2 về hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả (49 Điều); Chương 3 về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và thủ tục xử phạt vi phạm hành chính (03 Điều); Chương 4 về điều khoản thi hành (03 Điều).

2. Các nội dung cơ bản của Nghị định

2.1. Những nội dung kế thừa

Dự thảo Nghị định về cơ bản kế thừa các nội dung còn phù hợp tại 03 Nghị định (Nghị định số 86/2013/NĐ-CP, Nghị định số 03/2017/NĐ-CP và Nghị định số 06/2017/NĐ-CP) gồm: phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng; quy định chung về xử lý vi phạm; hình thức xử phạt vi phạm hành chính; mức phạt tiền tối đa đối với hành vi vi phạm hành chính; các biện pháp khắc phục hậu quả; lập biên bản hành chính và thủ tục xử phạt vi phạm hành chính; kế thừa toàn bộ 22 hành vi vi phạm hành chính hiện đang quy định tại 03 Nghị định này.

2.2. Những nội dung sửa đổi, bổ sung

2.2.1. Về tên gọi của Nghị định

- Tại Quyết định số 126/QĐ-TTg ngày 26/01/2021, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Tài chính chủ trì xây dựng Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đặt cược và trò chơi có thưởng.

- Tại văn bản lấy ý kiến các Bộ, ngành, Bộ Tài chính đề xuất tên gọi của Nghị định là Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực trò chơi có thưởng (gồm 03 lĩnh vực là đặt cược, casino và TCĐTCT).

- Ý kiến của các Bộ, ngành: Bộ KHĐT đề nghị cân nhắc tên gọi của Nghị định là Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh đặt cược, casino và TCĐTCT. Bộ Công Thương, Bộ VHTTDL, UBND TP. Hải Phòng, Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh đề nghị tên gọi của Nghị định theo đúng quy định tại Quyết định số 126/QĐ-TTg ngày 26/01/2021.

- Ý kiến của Bộ Tài chính: Tại Luật đầu tư quy định 03 ngành, nghề kinh doanh riêng biệt gồm kinh doanh đặt cược, casino và trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài (Điều 7 và Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật đầu tư). Thực hiện quy định của Luật đầu tư, Chính phủ ban hành 03 Nghị định quy định về kinh doanh đối với 03 ngành, nghề này. Do vậy, tiếp thu ý kiến của Bộ KHĐT, Bộ Tài chính trình Chính phủ quy định tên gọi của Nghị định là Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh đặt cược, casino và trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài để thống nhất với quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật hiện hành.

2.2.2. Về mức phạt tiền và hình thức xử phạt vi phạm hành chính

a) Đối với các hành vi vi phạm có tính chất, mức độ vi phạm giống nhau

- Tại 03 Nghị định chuyên ngành quy định một số hành vi vi phạm có tính chất, mức độ vi phạm giống nhau, tuy nhiên mức phạt tiền và hình thức xử phạt khác nhau.

- Căn cứ quy định của Luật XLVPHC và tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh, Bộ Tài chính rà soát, hoàn thiện dự thảo Nghị định nhằm đảm bảo các hành vi vi phạm có tính chất, mức độ vi phạm giống nhau thì áp dụng mức phạt tiền hình thức xử phạt giống nhau gồm các hành vi vi phạm quy định về: (i) hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh (Điều 7, 24 và 38); (ii) quản lý và sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh (Điều 8, 25 và 39); (iii) bố trí Điểm kinh doanh (Điều 26 và 40); (iv) số lượng, chủng loại và loại hình trò chơi (Điều 27 và 41); (v) Thẻ lệ trò chơi/Thẻ lệ đặt cược (Điều 13, 28 và 42); (vi) theo dõi, quản lý đối tượng được phép ra, vào Điểm kinh doanh (Điều 29 và 43); (vii) nghĩa vụ của người chơi (Điều 30 và 44); (viii) quản lý đồng tiền quy ước (Điều 31 và 45); (ix) kiểm soát nội bộ, người quản lý điều hành (Điều 33 và 47); (x) công bố, cung cấp thông tin (Điều 21, 36 và 50); (xi) chế độ báo cáo (Điều 23, 37 và 51).

b) Đối với các hành vi vi phạm có tính chất, mức độ vi phạm khác nhau

- Tại Nghị định số 86/2013/NĐ-CP và Nghị định số 03/2017/NĐ-CP có quy định cụ thể về mức phạt tiền giống nhau đối với hành vi vi phạm quy định về quản lý máy, thiết bị trò chơi và vi phạm quy định về trả thưởng và xác nhận tiền trúng thưởng.

- Tại văn bản lấy ý kiến các Bộ, ngành, Bộ Tài chính đề xuất nâng mức phạt tiền trong lĩnh vực casino cao hơn trong lĩnh vực TCĐTCT đối với các hành

vi phạm nêu trên. Bộ Tư pháp đề nghị làm rõ sự khác nhau về tính chất và mức độ vi phạm đối với các hành vi vi phạm nêu trên giữa 02 lĩnh vực kinh doanh casino và TCĐTCT.

- Theo quy định của pháp luật, doanh nghiệp kinh doanh TCĐTCT chỉ được phép kinh doanh máy TCĐTCT (quá trình chơi diễn ra hoàn toàn tự động giữa người chơi và máy TCĐTCT), trong khi đó doanh nghiệp casino được phép kinh doanh cả máy TCĐTCT và bàn trò chơi có thưởng (quá trình chơi diễn ra trực tiếp giữa người chơi và người điều hành các trò chơi trên bàn trò chơi có thưởng). Do vậy, tính chất và mức độ vi phạm đối với các hành vi vi phạm về quản lý máy, bàn trò chơi và thiết bị trò chơi giữa kinh doanh TCĐTCT và casino là khác nhau. Ngoài ra, về cơ bản đối tượng người chơi casino chơi lớn (nhiều tiền) hơn, phức tạp hơn do có quá trình chơi trực tiếp giữa người chơi với người chơi, trong một số trường hợp, đối tượng người chơi casino là người Việt Nam (Phụ Quốc).

Căn cứ quy định của Luật XLVPHC, quy định của pháp luật, Bộ Tài chính trình Chính phủ quy định mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm quy định về quản lý máy trò chơi, bàn trò chơi, thiết bị trò chơi (Điều 32 và Điều 46 dự thảo Nghị định) và hành vi vi phạm quy định về trả thưởng, xác nhận tiền trúng thưởng (Điều 34 và Điều 48) trong lĩnh vực kinh doanh casino cao hơn so với lĩnh vực TCĐTCT.

2.2.3. Bổ sung các nội dung tại Luật XLVPHC số 67/2020/QH14 giao Chính phủ quy định chi tiết

a) Về thời hiệu xử lý vi phạm hành chính, nguyên tắc áp dụng các hình thức xử phạt trong trường hợp có tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ

Căn cứ quy định tại Luật XLVPHC số 67/2020/QH14 giao Chính phủ quy định chi tiết về: (i) hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc, hành vi vi phạm hành chính đang thực hiện; (ii) nguyên tắc xác định mức phạt tiền và thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn đối với một hành vi vi phạm hành chính cụ thể trong trường hợp có nhiều tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ (khoản 3, 9 và 11 Điều 1) và tiếp thu ý kiến Bộ Tư pháp, Bộ KHĐT, Bộ Công Thương, UBND TP. Hải Phòng, UBND Thừa Thiên Huế, Bộ Tài chính trình Chính phủ bổ sung quy định tại dự thảo Nghị định về:

- Nguyên tắc áp dụng mức phạt tiền, theo đó mức phạt tiền cụ thể đối với một hành vi vi phạm là mức trung bình của khung phạt tiền được quy định đối với hành vi đó. Nếu có tình tiết giảm nhẹ/tăng nặng, thì mỗi tình tiết được giảm/tăng 10% mức tiền phạt trung bình của khung tiền phạt nhưng mức phạt tiền đối với hành vi đó không được giảm/tăng quá mức tối thiểu/tối đa của khung tiền phạt. Tương tự với quy định về nguyên tắc áp dụng hình thức tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận ĐKKD có thời hạn (khoản 3, 4 Điều 5 dự thảo Nghị định).

- Quy định cụ thể về: (i) Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực trò chơi có thưởng là 01 năm; (ii) Thời điểm tính thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính và thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm để tính thời hiệu xử phạt đối với một số hành vi vi phạm trong lĩnh vực trò chơi có thưởng (Điều 6 dự thảo Nghị định).

b) Về bổ sung các chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính

- Tại 03 Nghị định chuyên ngành quy định việc công tác kiểm tra, thanh tra trong lĩnh vực trò chơi có thưởng được thực hiện theo phương thức định kỳ hoặc đột xuất. Theo đó: (i) Đối với công tác kiểm tra định kỳ: (i) UBND cấp tỉnh kiểm tra định kỳ hàng năm. Bộ Tài chính phối hợp với các Bộ, ngành (gồm các Bộ: KHĐT, VHTTDL, Công an, NHNN và UBND tỉnh nơi doanh nghiệp kinh doanh) kiểm tra định kỳ 03 năm/lần (đối với kinh doanh TCĐTCT) và 02 năm/lần (đối với đặt cược và casino); (ii) Đối với công tác kiểm tra đột xuất: UBND cấp tỉnh và cơ quan công an quyết định kiểm tra đột xuất chỉ được thực hiện khi phát hiện doanh nghiệp có dấu hiệu vi phạm quy định về đối tượng được phép chơi, về đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội, khi có tố giác tội phạm liên quan đến doanh nghiệp; (iii) Quy định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các chức danh gồm: thanh tra viên tài chính các cấp, Chánh thanh tra Sở Tài chính, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Bộ Tài chính và Chánh thanh tra Bộ Tài chính (Điều 68, 78 Nghị định số 06/2017/NĐ-CP, Điều 58, 50 Nghị định số 03/2017/NĐ-CP và Điều 33, 49 Nghị định số 86/2013/NĐ-CP).

- Tại Luật XLVPHC số 67/2020/QH14 có sửa đổi, bổ sung quy định về thẩm quyền xử phạt, mức phạt tiền cụ thể theo từng chức danh và giao Chính phủ hướng dẫn chi tiết.

- Căn cứ quy định của Luật XLVPHC, quy định tại 03 Nghị định chuyên ngành và tiếp thu ý kiến Bộ Tư pháp, Bộ Công an, NHNN và UBND TP. Hải Phòng, STC Kiên Giang Bộ Tài chính trình Chính phủ bổ sung quy định về: (i) thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính cho một số chức danh trong lực lượng công an nhân dân; (ii) thẩm quyền tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với chức danh Chánh Thanh tra Bộ Tài chính; (iii) thẩm quyền tước Giấy chứng nhận ĐKKD có thời hạn của UBND tỉnh (Điều 56 dự thảo Nghị định).

Riêng ý kiến đề nghị bổ sung thẩm quyền xử phạt của UBND cấp huyện, cấp xã (Bộ Tư pháp, STC TP. Hồ Chí Minh), của lực lượng quân đội nhân dân (UBND tỉnh Lạng Sơn) và thanh tra ngành văn hóa, thể thao và du lịch (Bộ VHTTDL), do các chức danh này không có chức năng thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra trong lĩnh vực trò chơi có thưởng theo quy định của pháp luật, Bộ Tài chính trình Chính phủ không bổ sung thẩm quyền xử phạt của các chức danh này tại dự thảo Nghị định.

2.2.4. Bổ sung các nội dung vi phạm về phòng, chống rửa tiền (PCRT)

Căn cứ quy định tại Luật XLVPHC, quy định của pháp luật về phòng,

chống rửa tiền, phòng, chống khủng bố và tiếp thu ý kiến Bộ Tư pháp, NHNN, Bộ KHĐT, UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, STC Nghệ An, Bộ Tài chính thực hiện: (i) rà soát mức phạt tiền và hình thức xử phạt đối với các hành vi vi phạm về phòng, chống rửa tiền, phòng chống khủng bố trong lĩnh vực trò chơi có thưởng đảm bảo thống nhất về mức phạt tiền và hình thức xử phạt quy định tại Nghị định số 88/2019/NĐ-CP quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng; (ii) nâng mức phạt tiền tối đa đối với hành vi không tổ chức tài trợ khủng bố và áp dụng hình thức xử phạt bổ sung tước quyền Giấy chứng nhận ĐKKD có thời hạn đối với hành vi vi phạm này (Điều 52, 53, 54 và 55 dự thảo Nghị định)

2.2.5. Sửa đổi, bổ sung quy định nhằm đảm bảo phù hợp, đồng bộ với hệ thống pháp luật hiện hành

a) Về hành vi vi phạm quy định về quảng cáo

- Tại 03 Nghị định chuyên ngành quy định cụ thể về nội dung, vị trí và hình thức doanh nghiệp được phép quảng cáo trong lĩnh vực trò chơi có thưởng (Khoản 10 Điều 1 Nghị định số 175/2016, Điều 37 Nghị định số 03/2017/NĐ-CP và Điều 44 Nghị định số 06/2017/NĐ-CP), tuy nhiên chưa có quy định về xử phạt vi phạm quy định về quảng cáo trong lĩnh vực trò chơi có thưởng.

- Căn cứ quy định pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo, tiếp thu ý kiến của Bộ VHTTDL, Bộ Tài chính trình Chính phủ bổ sung quy định về xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định về quảng cáo trong lĩnh vực trò chơi có thưởng (khoản 9 Điều 5, điểm e khoản 3 Điều 6, khoản 3 Điều 22, khoản 2 Điều 35 và khoản 3 Điều 49).

b) Về hành vi vi phạm quy định về giảm giá, khuyến mại

- Tại 03 Nghị định chuyên ngành quy định cụ thể về giảm giá, khuyến mại và hình thức xử phạt vi phạm hành chính đối với tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về giảm giá, khuyến mại đối với lĩnh vực trò chơi có thưởng (Điều 45, 66 Nghị định số 06/2017/NĐ-CP, Điều 38, 57 Nghị định số 03/2017/NĐ-CP và Điều 28, 48 Nghị định số 86/2013/NĐ-CP).

- Căn cứ quy định của về pháp luật trò chơi có thưởng, pháp luật về xử lý vi phạm hành chính đối với hoạt động khuyến mại và tiếp thu ý kiến của Bộ Công Thương và UBND tỉnh Lạng Sơn, Bộ Tài chính trình Chính phủ sửa đổi mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm quy định về giảm giá, khuyến mại trong lĩnh vực trò chơi có thưởng là từ 40-60 triệu đồng (đối với tổ chức) và 20-30 triệu đồng (đối với cá nhân).

Trên đây là ý kiến Bộ Tài chính tổng hợp, giải trình ý kiến thẩm định Bộ Tư pháp và ý kiến tham gia của các Bộ, ngành về dự thảo Nghị định xử lý vi

phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh đặt cược, casino và trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài, Bộ Tài chính kính trình Chính phủ xem xét, ký ban hành Nghị định./.

(Xin trình kèm theo: (1) Dự thảo Nghị định; (2) Báo cáo rà soát văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; (3) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến các cơ quan, tổ chức). *lll*

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Bộ trưởng Hồ Đức Phúc (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, Vụ TCNH (NTQTrang-6b). *ll*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần
Nguyễn Đức Chi



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

NGHỊ ĐỊNH
quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh đặt
cược, casino và trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Phòng, chống rửa tiền ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Phòng, chống khủng bố ngày 12 tháng 6 năm 2013;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh đặt cược, casino và trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về hành vi vi phạm hành chính, hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc và hành vi vi phạm hành chính đang thực hiện, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh đặt cược, casino và trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài (sau đây gọi tắt là lĩnh vực trò chơi có thưởng).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nghị định này áp dụng đối với:

a) Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực trò chơi có thưởng;

b) Người có thẩm quyền lập biên bản, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, cơ quan quản lý nhà nước có liên quan đến việc kiểm tra, thanh tra và xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực trò chơi có thưởng.

2. Tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này gồm:

a) Doanh nghiệp kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó và đặt cược bóng đá quốc tế;

b) Doanh nghiệp kinh doanh casino;

c) Doanh nghiệp kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài;

d) Các tổ chức khác có hành vi vi phạm trong lĩnh vực trò chơi có thưởng.

Điều 3. Các hình thức xử phạt vi phạm hành chính

1. Hình thức xử phạt chính:

a) Cảnh cáo;

b) Phạt tiền.

2. Các hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài (sau đây gọi tắt là Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh) có thời hạn;

b) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

Điều 4. Các biện pháp khắc phục hậu quả

Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực trò chơi có thưởng có thể bị áp dụng một hoặc một số biện pháp khắc phục hậu quả sau đây theo quy định cụ thể tại Chương II Nghị định này:

1. Buộc bổ sung tài liệu chưa đầy đủ trong hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh và gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh.

2. Buộc tiêu hủy hoặc tái xuất các máy trò chơi, bàn trò chơi, thiết bị trò chơi có thưởng, đồng tiền quy ước vượt quá số lượng, không đúng chủng loại, loại hình trò chơi có thưởng.

3. Buộc khôi phục Điểm kinh doanh casino, Điểm kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng (sau đây gọi tắt là Điểm kinh doanh) đáp ứng đầy đủ các điều kiện và theo đúng địa điểm được cơ quan quản lý nhà nước cấp phép kinh doanh.

4. Buộc mở sổ theo dõi hoặc cấp thẻ điện tử để theo dõi, quản lý đầy đủ đối tượng được phép chơi và ra, vào Điểm kinh doanh.

5. Buộc thành lập bộ phận kiểm soát nội bộ và bố trí người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh đáp ứng đầy đủ điều kiện theo đúng quy định.

6. Buộc thực hiện việc trả thưởng cho người chơi theo đúng quy định của Thẻ lệ trò chơi, Thẻ lệ đặt cược.

7. Buộc thu hồi giấy xác nhận tiền trúng thưởng không đúng đối tượng trúng thưởng hoặc không đúng với giá trị trúng thưởng thực tế.

8. Buộc thu hồi toàn bộ các khoản chi giảm giá, khuyến mại không đúng quy định pháp luật.

9. Buộc tháo dỡ nội dung và hình thức quảng cáo không đúng quy định pháp luật.

10. Buộc thanh lý hợp đồng đã ký với các cá nhân, tổ chức không đáp ứng đủ điều kiện làm đại lý đại lý bán vé đặt cược theo quy định của pháp luật.

11. Buộc cải chính thông tin đã công bố, cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin theo quy định pháp luật.

12. Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính.

Điều 5. Mức phạt tiền, thẩm quyền phạt tiền và nguyên tắc áp dụng hình thức xử phạt vi phạm hành chính

1. Mức phạt tiền tối đa đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực trò chơi có thưởng đối với tổ chức là 200.000.000 đồng và đối với cá nhân là 100.000.000 đồng.

2. Mức phạt tiền, thẩm quyền phạt tiền của từng chức danh đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, trừ trường hợp quy định tại các Điều 12, Điều 30 và Điều 44 Nghị định này chỉ áp dụng riêng đối với cá nhân. Mức phạt tiền, thẩm quyền phạt tiền của từng chức danh đối với cá nhân bằng $\frac{1}{2}$ lần đối với tổ chức có cùng một hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này.

3. Nguyên tắc áp dụng mức phạt tiền

a) Khi xác định mức phạt tiền đối với tổ chức, cá nhân vi phạm vừa có tình tiết tăng nặng, vừa có tình tiết giảm nhẹ thì được giảm trừ tình tiết tăng nặng theo nguyên tắc một tình tiết giảm nhẹ được giảm trừ một tình tiết tăng nặng;

b) Mức phạt tiền cụ thể đối với một hành vi vi phạm là mức trung bình của khung phạt tiền được quy định đối với hành vi đó. Nếu có tình tiết giảm

nhẹ, thì mỗi tình tiết được giảm 10% mức tiền phạt trung bình của khung tiền phạt nhưng mức phạt tiền đối với hành vi đó không được giảm quá mức tối thiểu của khung tiền phạt; nếu có tình tiết tăng nặng thì mỗi tình tiết tăng nặng được tính tăng 10% mức tiền phạt trung bình của khung tiền phạt nhưng mức phạt tiền đối với hành vi đó không được vượt quá mức tối đa của khung tiền phạt.

4. Nguyên tắc áp dụng hình thức tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh có thời hạn

a) Khi xác định thời hạn tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đối với tổ chức vi phạm vừa có tình tiết tăng nặng, vừa có tình tiết giảm nhẹ thì được giảm trừ tình tiết tăng nặng theo nguyên tắc một tình tiết giảm nhẹ được giảm trừ một tình tiết tăng nặng;

b) Thời hạn tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh cụ thể đối với một hành vi vi phạm là mức trung bình của khung thời hạn được quy định đối với hành vi đó. Nếu có tình tiết giảm nhẹ thì mỗi tình tiết giảm nhẹ được giảm 01 tháng nhưng không được giảm quá mức tối thiểu của khung thời hạn tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; nếu có tình tiết tăng nặng thì mỗi tình tiết tăng nặng áp dụng tăng 01 tháng nhưng không được vượt quá mức tối đa của khung thời hạn tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh.

Điều 6. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực trò chơi có thưởng

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực trò chơi có thưởng là 01 năm.

2. Thời điểm tính thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực trò chơi có thưởng được quy định như sau:

a) Đối với hành vi vi phạm hành chính đang được thực hiện thì thời hiệu được tính từ ngày người có thẩm quyền thi hành công vụ phát hiện hành vi vi phạm;

b) Đối với hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc thì thời hiệu được tính từ ngày chấm dứt hành vi vi phạm.

3. Thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm để tính thời hiệu xử phạt đối với một số hành vi vi phạm tại Chương II Nghị định này được quy định như sau:

a) Đối với hành vi vi phạm quy định về hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh quy định tại Điều 7, Điều 24 và Điều 38 Nghị định này, thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm để tính thời hiệu xử phạt là ngày nộp hồ sơ đến Bộ Tài chính;

b) Đối với hành vi sửa chữa, tẩy xóa làm thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh quy định tại khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 25

và khoản 1 Điều 39 Nghị định này nếu không xác định được ngày sửa chữa, tẩy xóa làm thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thì thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm là ngày phát hiện Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh bị tẩy xóa, sửa chữa làm thay đổi nội dung;

c) Đối với hành vi không gửi Thẻ lệ trò chơi, Thẻ lệ đặt cược đến cơ quan quản lý nhà nước, không gửi Điều lệ đua tới Hội đồng giám sát cuộc đua quy định tại khoản 1 Điều 13, khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 42 Nghị định này, thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm là ngày thực hiện gửi Thẻ lệ trò chơi, Thẻ lệ đặt cược đến cơ quan quản lý nhà nước, gửi Điều lệ đua Hội đồng giám sát cuộc đua;

d) Đối với hành vi không thông báo đến cơ quan quản lý nhà nước khi thay đổi người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh quy định tại điểm b khoản 1 Điều 33 và điểm b khoản 1 Điều 47 Nghị định này, thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm để tính thời hiệu xử phạt là ngày thực hiện thông báo thay đổi người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh đến cơ quan quản lý nhà nước;

đ) Đối với hành vi vi phạm quy định về cung cấp thông tin quy định tại Điều 21, Điều 36 và Điều 50 Nghị định này, thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm là ngày thực hiện công bố, cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác.

e) Đối với hành vi vi phạm quy định về quảng cáo quy định tại khoản 3 Điều 22, khoản 3 Điều 35 và khoản 3 Điều 49 Nghị định này, thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm là ngày tháo dỡ nội dung và hình thức quảng cáo không đúng quy định của pháp luật.

g) Đối với hành vi vi phạm quy định về chế độ báo cáo quy định tại Điều 23, Điều 37 và Điều 51 Nghị định này, thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm là ngày thực hiện báo cáo.

Chương II

HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ MỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ

Mục 1

HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ KINH DOANH ĐẶT CƯỢC

Điều 7. Hành vi vi phạm quy định về hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi tự ý sửa chữa, tẩy xóa các tài liệu trong hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh và gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược.

2. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi lập, xác nhận hồ sơ, tài liệu giả mạo hoặc có thông tin sai lệch, sai sự thật hoặc che giấu sự thật trong hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh và gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là tài liệu bị sửa chữa, tẩy xóa, giả mạo hoặc có thông tin sai lệch, sai sự thật hoặc che giấu sự thật đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc bổ sung tài liệu chưa đầy đủ trong hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh và gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính.

Điều 8. Hành vi vi phạm quy định về quản lý, sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược

1. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi sửa chữa, tẩy xóa làm thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược.

2. Phạt tiền từ 160.000.000 đồng đến 180.000.000 đồng đối với hành vi cho thuê, cho mượn, chuyển nhượng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược.

3. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Kinh doanh đặt cược khi chưa được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược;

b) Kinh doanh đặt cược trong thời gian bị thu hồi hoặc tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược đã bị tẩy xóa, sửa chữa đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Điều 9. Hành vi vi phạm quy định về phạm vi được phép kinh doanh

1. Phạt tiền từ 160.000.000 đồng đến 180.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

- a) Liên kết với các đối tượng đặt cược bất hợp pháp để san sẻ rủi ro;
- b) Cung cấp thông tin tỷ lệ cược mà không được doanh nghiệp kinh doanh đặt cược đồng ý hoặc ủy quyền.

2. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

- a) Kinh doanh đặt cược vượt quá phạm vi được phép kinh doanh đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép kinh doanh đặt cược theo quy định của pháp luật;
- b) Lợi dụng kết quả sự kiện đặt cược để tham gia đặt cược hoặc tổ chức kinh doanh đặt cược trái phép.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính quy định tại Điều này.

Điều 10. Hành vi vi phạm quy định về loại hình đặt cược và sản phẩm đặt cược

1. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

- a) Kinh doanh loại hình đặt cược trái với quy định của pháp luật về kinh doanh đặt cược;
- b) Kinh doanh sản phẩm đặt cược trái với quy định của pháp luật về kinh doanh đặt cược.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính quy định tại Điều này.

Điều 11. Hành vi vi phạm quy định về quản lý người chơi

1. Phạt tiền từ 130.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi bán vé đặt cược cho các đối tượng không được phép tham gia đặt cược.

2. Phạt tiền từ 160.000.000 đồng đến 180.000.000 đồng đối với hành vi cho người chơi vay tiền để tham gia đặt cược.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính quy định tại Điều này.

Điều 12. Hành vi vi phạm quy định về nghĩa vụ của người chơi

1. Phạt cảnh cáo đối với hành vi cố tình mua vé đặt cược để tham gia đặt cược khi thuộc đối tượng không được phép tham gia đặt cược theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi sửa chữa, tẩy xóa vé đặt cược để lĩnh thưởng.

3. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Giả mạo vé đặt cược để lĩnh thưởng;

b) Dàn xếp làm sai lệch kết quả sự kiện đặt cược;

c) Giả mạo kết quả trúng thưởng.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Điều 13. Hành vi vi phạm quy định về xây dựng, công bố Điều lệ đua và Thẻ lệ đặt cược

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không gửi Thẻ lệ đặt cược cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

b) Không gửi Điều lệ đua tới Hội đồng giám sát cuộc đua theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không công bố công khai Thẻ lệ đặt cược theo quy định của pháp luật;

b) Không công bố công khai Điều lệ đua theo quy định của pháp luật.

3. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không xây dựng và ban hành Thẻ lệ đặt cược theo quy định của pháp luật;

b) Không xây dựng và ban hành Điều lệ đua theo quy định của pháp luật.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 14. Hành vi vi phạm quy định về điểm bán vé đặt cược cố định

1. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi thiết lập các điểm bán vé đặt cược cố định không đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính quy định tại Điều này.

Điều 15. Hành vi vi phạm quy định về phương thức phân phối vé đặt cược

1. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng các phương thức phân phối vé đặt cược không được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép kinh doanh đặt cược theo quy định của pháp luật.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính quy định tại Điều này.

Điều 16. Hành vi vi phạm quy định về tần suất tổ chức đặt cược và thời điểm nhận đặt cược

1. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định về thời điểm nhận đặt cược.

2. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định về tần suất tổ chức đặt cược.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính quy định tại Điều này.

Điều 17. Hành vi vi phạm quy định về vé đặt cược

1. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi phát hành vé đặt cược không đầy đủ nội dung, thông tin theo quy định pháp luật.

2. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi phát hành vé đặt cược có mệnh giá thấp hơn mức đặt cược tối thiểu hoặc vượt quá mức đặt cược tối đa theo quy định của pháp luật.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính quy định tại Điều này.

Điều 18. Hành vi vi phạm quy định về đại lý bán vé đặt cược

1. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến đồng 200.000.000 đồng đối với hành vi ký hợp đồng làm đại lý bán vé đặt cược với các cá nhân, tổ chức không đủ điều kiện làm đại lý theo quy định của pháp luật.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thanh lý hợp đồng đã ký với các cá nhân, tổ chức không đáp ứng đủ điều kiện làm đại lý đại lý bán vé đặt cược theo quy định của pháp luật;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính quy định tại Điều này.

Điều 19. Hành vi vi phạm quy định về trả thưởng, tỷ lệ trả thưởng và phương thức trả thưởng

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện đúng quy định về thời gian trả thưởng cho khách hàng trúng thưởng.

2. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Cố ý thông tin kết quả trúng thưởng sai lệch, không đúng so với biên bản xác nhận của Hội đồng giám sát cuộc đua hoặc kết luận của Trọng tài chính điều khiển trận đấu bóng đá quốc tế hoặc kết quả đã được Ban tổ chức sự kiện công bố chính thức lần đầu;

b) Thực hiện phương thức trả thưởng trái với quy định của pháp luật;

c) Xây dựng tỷ lệ trả thưởng kế hoạch thấp hơn mức tối thiểu là 65% trên doanh thu bán vé đối với từng loại hình sản phẩm đặt cược;

d) Xác nhận tiền trúng thưởng không đúng đối tượng trúng thưởng hoặc không đúng với giá trị trúng thưởng thực tế.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện trả thưởng cho người chơi theo đúng quy định tại Thẻ lệ đặt cược;

b) Buộc thu hồi giấy xác nhận tiền trúng thưởng không đúng đối tượng trúng thưởng hoặc không đúng với giá trị trúng thưởng thực tế.

Điều 20. Hành vi vi phạm quy định về tổ chức đua ngựa, đua chó

1. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm các quy định về ngựa đua, chó đua, nài ngựa và Trọng tài theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm các điều kiện về tổ chức đua ngựa, đua chó theo quy định của pháp luật.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 21. Hành vi vi phạm quy định về công bố, cung cấp thông tin

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi công bố, cung cấp thông tin không đầy đủ, không chính xác theo quy định của pháp luật về kinh doanh đặt cược.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả

Buộc cải chính thông tin đã công bố, cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin theo quy định pháp luật.

Điều 22. Hành vi vi phạm quy định về giảm giá, khuyến mại, quảng cáo và chế độ quản lý tài chính

1. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm về chế độ quản lý tài chính do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm các quy định về giảm giá, khuyến mại theo quy định của pháp luật.

3. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Quảng cáo hoạt động kinh doanh đặt cược khi chưa được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép kinh doanh đặt cược theo quy định của pháp luật;

b) Nội dung và hình thức quảng cáo không đúng quy định của pháp luật về kinh doanh đặt cược.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược từ 01 tháng đến 02 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thu hồi toàn bộ các khoản chi giảm giá, khuyến mại không đúng quy định pháp luật;

b) Buộc tháo dỡ nội dung và hình thức quảng cáo không đúng quy định pháp luật.

Điều 23. Hành vi vi phạm quy định về chế độ báo cáo

1. Phạt cảnh cáo đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không gửi hoặc gửi không đủ báo cáo cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

b) Gửi báo cáo cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền không đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi cung cấp thông tin, số liệu không đầy đủ, không chính xác trong báo cáo gửi cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc cung cấp thông tin, số liệu đầy đủ, chính xác cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều này.

Mục 2

HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ KINH DOANH CASINO

Điều 24. Hành vi vi phạm quy định về hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi tự ý sửa chữa, tẩy xóa các tài liệu trong hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh và gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino.

2. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi lập, xác nhận hồ sơ, tài liệu giả mạo hoặc có thông tin sai lệch, sai sự thật

hoặc che dấu sự thật trong hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh và gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là tài liệu bị sửa chữa, tẩy xóa, giả mạo hoặc có thông tin sai lệch, sai sự thật hoặc che dấu sự thật đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc bổ sung tài liệu chưa đầy đủ trong hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh và gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính.

Điều 25. Hành vi vi phạm quy định về quản lý, sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino

1. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi sửa chữa, tẩy xóa làm thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino.

2. Phạt tiền từ 160.000.000 đồng đến 180.000.000 đồng đối với hành vi cho thuê, cho mượn, chuyển nhượng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino.

3. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Kinh doanh casino khi chưa được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép kinh doanh casino theo quy định của pháp luật;

b) Kinh doanh casino trong thời gian bị thu hồi hoặc tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino đã bị tẩy xóa, sửa chữa đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Điều 26. Hành vi vi phạm quy định về việc bố trí Điểm kinh doanh

1. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Bố trí Điểm kinh doanh không đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật.

b) Tổ chức kinh doanh casino không đúng địa điểm được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép kinh doanh casino theo quy định của pháp luật.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc khôi phục Điểm kinh doanh đáp ứng đầy đủ các điều kiện và theo đúng địa điểm được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép kinh doanh.

Điều 27. Hành vi vi phạm quy định về số lượng máy trò chơi, bàn trò chơi và chủng loại, loại hình trò chơi có thưởng

1. Phạt tiền từ 160.000.000 đồng đến 180.000.000 đồng đối với hành vi kinh doanh không đúng chủng loại, loại hình trò chơi có thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức kinh doanh vượt quá số lượng máy trò chơi, bàn trò chơi được phép kinh doanh theo quy định của pháp luật.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tiêu hủy hoặc tái xuất các máy trò chơi, bàn trò chơi vượt quá số lượng, không đúng chủng loại, loại hình trò chơi có thưởng;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều này.

Điều 28. Hành vi vi phạm quy định về xây dựng và công bố Thẻ lệ trò chơi

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không gửi Thẻ lệ trò chơi cho cơ quan quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không công bố công khai Thẻ lệ trò chơi tại Điểm kinh doanh.

3. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi không xây dựng Thẻ lệ trò chơi theo quy định của pháp luật.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 29. Hành vi vi phạm quy định về theo dõi, quản lý đối tượng được ra, vào Điểm kinh doanh

1. Phạt tiền từ 130.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi không mở sổ theo dõi hoặc cấp thẻ điện tử để kiểm soát các đối tượng được ra, vào Điểm kinh doanh.

2. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Cho phép đối tượng ra, vào Điểm kinh doanh không đúng quy định của pháp luật.

b) Không theo dõi đầy đủ các đối tượng ra, vào Điểm kinh doanh.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc mở sổ theo dõi hoặc cấp thẻ điện tử để theo dõi, quản lý đầy đủ đối tượng được phép chơi và ra, vào Điểm kinh doanh;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều này.

Điều 30. Hành vi vi phạm quy định về nghĩa vụ của người chơi

1. Phạt cảnh cáo đối với cá nhân vi phạm một trong các hành vi sau:

- a) Không tuân thủ Thể lệ trò chơi do doanh nghiệp công bố;
- b) Không tuân thủ nội quy Điểm kinh doanh do doanh nghiệp công bố;
- c) Không tuân thủ các quy định quản lý nội bộ do doanh nghiệp công bố.

2. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi gian lận trong quá trình tham gia các trò chơi có thưởng tại Điểm kinh doanh.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 31. Hành vi vi phạm quy định về quản lý đồng tiền quy ước

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng đồng tiền quy ước không đáp ứng đầy đủ các điều kiện kỹ thuật theo quy định.

2. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi không đăng ký đồng tiền quy ước với cơ quan quản lý nhà nước theo quy định.

3. Phạt tiền từ 120.000.000 đồng đến 130.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng đồng tiền quy ước của doanh nghiệp khác hoặc không đúng với đồng tiền quy ước đã đăng ký với các cơ quan quản lý nhà nước.

4. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 160.000.000 đồng đối với hành vi không sử dụng tiền đồng Việt Nam để đổi đồng tiền quy ước và đổi đồng tiền quy ước ra đồng Việt Nam trong trường hợp chơi không hết hoặc trúng thưởng đối với người Việt Nam chơi tại Điểm kinh doanh.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu toàn bộ đồng tiền quy ước đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino từ 01 tháng đến 02 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều này; từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 4 Điều này.

Điều 32. Hành vi vi phạm quy định về quản lý máy trò chơi, bàn trò chơi và thiết bị trò chơi

1. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi không mở sổ quản lý máy trò chơi, bàn trò chơi và thiết bị trò chơi.

2. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi nhập khẩu thiết bị dự phòng, quản lý thiết bị dự phòng không đúng quy định của pháp luật.

3. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Kinh doanh máy trò chơi, bàn trò chơi không đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật;

b) Không có tài liệu của nhà sản xuất, cung cấp máy trò chơi, bàn trò chơi hoặc tổ chức kiểm định độc lập máy trò chơi, bàn trò chơi chứng minh máy trò chơi, bàn trò chơi đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu toàn bộ máy trò chơi, bàn trò chơi và thiết bị trò chơi vi phạm đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

b) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino từ 01 tháng đến 02 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều này;

c) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Điều 33. Hành vi vi phạm quy định về kiểm soát nội bộ, người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không gửi Quy chế quản lý nội bộ cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

b) Không thông báo đến cơ quan quản lý nhà nước khi thay đổi người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh theo danh sách đã đăng ký trong hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino.

2. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không xây dựng và ban hành Quy chế quản lý nội bộ theo quy định của pháp luật;

b) Không thành lập bộ phận kiểm soát nội bộ theo quy định của pháp luật.

3. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi bố trí người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh không đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thành lập bộ phận kiểm soát nội bộ và bố trí người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh đáp ứng đầy đủ điều kiện theo đúng quy định.

Điều 34. Hành vi vi phạm quy định về trả thưởng và xác nhận tiền trúng thưởng

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi cố tình kéo dài thời gian trả thưởng cho người chơi mà không có lý do chính đáng.

2. Phạt tiền từ 120.000.000 đồng đến 130.000.000 đồng đối với hành vi xác nhận tiền trúng thưởng không đúng đối tượng hoặc không đúng với giá trị trúng thưởng thực tế.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện trả thưởng cho người chơi theo đúng quy định tại Thẻ lệ trò chơi;

b) Buộc thu hồi giấy xác nhận tiền trúng thưởng không đúng đối tượng trúng thưởng hoặc không đúng với giá trị trúng thưởng thực tế..

Điều 35. Hành vi vi phạm quy định về giảm giá, khuyến mại, quảng cáo và chế độ quản lý tài chính

1. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm về chế độ quản lý tài chính do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm các quy định về giảm giá, khuyến mại theo quy định của pháp luật.

3. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Quảng cáo hoạt động kinh doanh casino khi chưa được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép kinh doanh casino theo quy định của pháp luật;

b) Nội dung và hình thức quảng cáo không đúng quy định của pháp luật về kinh doanh casino.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino từ 01 tháng đến 02 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thu hồi toàn bộ các khoản chi giảm giá, khuyến mại không đúng quy định pháp luật;

b) Buộc tháo dỡ nội dung và hình thức quảng cáo không đúng quy định pháp luật.

Điều 36. Hành vi vi phạm quy định về công bố, cung cấp thông tin

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đến 50.000.000 đối với hành vi công bố, cung cấp thông tin không đầy đủ, chính xác theo quy định của pháp luật về kinh doanh casino.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc cải chính thông tin đã công bố, cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin theo quy định pháp luật.

Điều 37. Hành vi vi phạm quy định về chế độ báo cáo

1. Phạt cảnh cáo đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không gửi hoặc gửi không đủ báo cáo cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

b) Gửi báo cáo cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền không đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi cung cấp thông tin, số liệu không đầy đủ, không chính xác trong báo cáo gửi cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc cung cấp thông tin, số liệu đầy đủ, chính xác cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều này.

Mục 3

HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ KINH DOANH TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ CÓ THƯỞNG DÀNH CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Điều 38. Hành vi vi phạm quy định về hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi tự ý sửa chữa, tẩy xóa các tài liệu trong hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh và gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng.

2. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi lập, xác nhận hồ sơ, tài liệu giả mạo hoặc có thông tin sai lệch, sai sự thật hoặc che giấu sự thật trong hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh và gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là tài liệu bị sửa chữa, tẩy xóa, giả mạo hoặc có thông tin sai lệch, sai sự thật hoặc che giấu sự thật đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc bổ sung tài liệu chưa đầy đủ trong hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh và gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính.

Điều 39. Hành vi vi phạm quy định về quản lý, sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng

1. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi sửa chữa, tẩy xóa làm thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng.

2. Phạt tiền từ 160.000.000 đồng đến 180.000.000 đồng đối với hành vi cho thuê, cho mượn, chuyển nhượng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng.

3. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng khi chưa được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng theo quy định của pháp luật;

b) Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng trong thời gian bị thu hồi hoặc tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng đã bị tẩy xóa, sửa chữa đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Điều 40. Hành vi vi phạm quy định về việc bố trí Điểm kinh doanh, khu vực bố trí Điểm kinh doanh trong cơ sở lưu trú du lịch

1. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Bố trí Điểm kinh doanh không đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật.

b) Tổ chức kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng không đúng địa điểm được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc khôi phục Điểm kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng đáp ứng đầy đủ các điều kiện và theo đúng địa điểm được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép kinh doanh.

Điều 41. Hành vi vi phạm quy định về số lượng, chủng loại, loại hình trò chơi điện tử có thưởng

1. Phạt tiền từ 160.000.000 đồng đến 180.000.000 đồng đối với hành vi kinh doanh không đúng chủng loại máy, loại hình trò chơi có thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức kinh doanh vượt quá số lượng máy trò chơi điện tử có thưởng được phép kinh doanh theo quy định của pháp luật.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc phải tiêu hủy hoặc tái xuất các máy trò chơi điện tử có thưởng vượt quá số lượng, không đúng chủng loại máy, loại hình trò chơi điện tử có thưởng;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính quy định tại Điều này.

Điều 42. Hành vi vi phạm quy định về xây dựng, gửi và công bố Thẻ lệ trò chơi

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không gửi Thẻ lệ trò chơi cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không công bố công khai Thẻ lệ trò chơi tại Điểm kinh doanh.

3. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi không xây dựng Thẻ lệ trò chơi theo quy định của pháp luật.

4. Hình thức phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 43. Hành vi vi phạm quy định về theo dõi, quản lý đối tượng được phép chơi và ra, vào Điểm kinh doanh

1. Phạt tiền từ 130.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi không mở sổ theo dõi hoặc cấp thẻ điện tử để kiểm soát các đối tượng được ra, vào Điểm kinh doanh;

2. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Cho phép đối tượng ra, vào Điểm kinh doanh không đúng quy định của pháp luật.

b) Không theo dõi đầy đủ các đối tượng ra, vào Điểm kinh doanh.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc mở sổ theo dõi hoặc cấp thẻ điện tử để theo dõi, quản lý đầy đủ đối tượng được phép chơi và ra, vào Điểm kinh doanh;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều này.

Điều 44. Hành vi vi phạm quy định về nghĩa vụ của người chơi

1. Phạt cảnh cáo đối với cá nhân vi phạm một trong các hành vi sau:

a) Không tuân thủ Thẻ lệ trò chơi do doanh nghiệp công bố;

b) Không tuân thủ nội quy Điểm kinh doanh do doanh nghiệp công bố;

c) Không tuân thủ các quy định quản lý nội bộ do doanh nghiệp công bố.

2. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi gian lận trong quá trình tham gia các trò chơi có thưởng tại Điểm kinh doanh.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 45. Hành vi vi phạm quy định về quản lý đồng tiền quy ước

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng đồng tiền quy ước không đáp ứng đầy đủ các điều kiện kỹ thuật theo quy định.

2. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi không đăng ký đồng tiền quy ước với cơ quan quản lý nhà nước theo quy định.

3. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng đồng tiền quy ước của doanh nghiệp khác hoặc không đúng với đồng tiền quy ước đã đăng ký với các cơ quan quản lý nhà nước.

4. Hình thức phạt bổ sung:

a) Tịch thu toàn bộ các đồng tiền quy ước đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh từ 01 tháng đến 02 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 46. Hành vi vi phạm quy định về quản lý máy, thiết bị trò chơi điện tử có thưởng

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không mở sổ quản lý máy trò chơi điện tử có thưởng;

2. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi nhập khẩu máy, thiết bị dự phòng, quản lý máy, thiết bị dự phòng không đúng quy định của pháp luật.

3. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Kinh doanh máy trò chơi điện tử có thưởng không đáp ứng đủ các điều kiện, tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật.

b) Không có tài liệu của nhà sản xuất máy trò chơi điện tử có thưởng hoặc tổ chức kiểm định độc lập máy trò chơi điện tử có thưởng chứng minh máy trò chơi điện tử có thưởng đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật.

4. Hình thức phạt bổ sung:

a) Tịch thu toàn bộ máy, thiết bị trò chơi điện tử có thưởng vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh từ 01 tháng đến 02 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều này;

c) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Điều 47. Hành vi vi phạm quy định về kiểm soát nội bộ, người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không gửi Quy chế quản lý nội bộ cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

b) Không thông báo đến cơ quan quản lý nhà nước khi thay đổi người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh theo danh sách đã đăng ký trong hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng.

2. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không xây dựng và ban hành Quy chế quản lý nội bộ theo quy định của pháp luật;

b) Không thành lập bộ phận kiểm soát nội bộ theo quy định của pháp luật.

3. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi bố trí người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh không đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thành lập bộ phận kiểm soát nội bộ và bố trí người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh đáp ứng đầy đủ điều kiện theo đúng quy định.

Điều 48. Hành vi vi phạm quy định về trả thưởng và xác nhận tiền trúng thưởng

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi cố tình kéo dài thời gian trả thưởng cho người chơi mà không có lý do chính đáng.

2. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi xác nhận tiền trúng thưởng không đúng đối tượng hoặc không đúng với giá trị trúng thưởng thực tế.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện trả thưởng cho người chơi theo đúng quy định tại Thể lệ trò chơi;

b) Buộc thu hồi giấy xác nhận tiền trúng thưởng không đúng đối tượng trúng thưởng hoặc không đúng với giá trị trúng thưởng thực tế.

Điều 49. Hành vi vi phạm quy định về giảm giá, khuyến mại, quảng cáo và chế độ quản lý tài chính

1. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm về chế độ quản lý tài chính do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm các quy định về giảm giá, khuyến mại theo quy định của pháp luật.

3. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Quảng cáo hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng khi chưa được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng theo quy định của pháp luật;

b) Nội dung và hình thức quảng cáo không đúng quy định của pháp luật về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng từ 01 tháng đến 02 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thu hồi toàn bộ các khoản chi giảm giá, khuyến mại không đúng quy định pháp luật;

b) Buộc tháo dỡ nội dung và hình thức quảng cáo không đúng quy định pháp luật.

Điều 50. Hành vi vi phạm quy định về công bố, cung cấp thông tin

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi công bố, cung cấp thông tin không đầy đủ, chính xác theo quy định của pháp luật về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc cải chính thông tin đã công bố, cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin theo quy định pháp luật.

Điều 51. Hành vi vi phạm quy định về chế độ báo cáo

1. Phạt cảnh cáo đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không gửi hoặc gửi không đủ báo cáo cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

b) Gửi báo cáo cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền không đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi cung cấp thông tin, số liệu không đầy đủ, không chính xác trong báo cáo gửi cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc cung cấp thông tin, số liệu đầy đủ, chính xác cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều này.

Mục 4

HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ PHÒNG, CHỐNG RỬA TIỀN; PHÒNG CHỐNG KHỦNG BỐ

Điều 52. Hành vi vi phạm quy định về nhận biết, cập nhật thông tin khách hàng; nhận biết, phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi không cập nhật thông tin nhận biết khách hàng theo quy định tại Điều 8, Điều 10 Luật Phòng, chống rửa tiền và Điều 34 Luật Phòng, chống khủng bố.

2. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng, biện pháp đánh giá tăng cường quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều 12 Luật Phòng, chống rửa tiền, Điều 34 Luật Phòng, chống khủng bố.

3. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi không có hệ thống quản lý rủi ro để xác định khách hàng nước ngoài là cá nhân có ảnh hưởng chính trị theo quy định tại khoản 2 và 3 Điều 13 Luật Phòng, chống rửa tiền.

Điều 53. Hành vi vi phạm quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền

Phạt tiền từ 120.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

1. Không ban hành quy trình quản lý rủi ro các giao dịch liên quan tới công nghệ mới theo quy định tại Điều 15 Luật Phòng, chống rửa tiền.

2. Không xây dựng quy định về phân loại khách hàng trên cơ sở rủi ro theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Luật Phòng, chống rửa tiền.

3. Không xây dựng và tuân thủ quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền theo quy định của pháp luật.

Điều 54. Hành vi vi phạm quy định về báo cáo giao dịch có giá trị lớn, giao dịch đáng ngờ, báo cáo hành vi tài trợ khủng bố

1. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không báo cáo các giao dịch có giá trị lớn;

b) Không báo cáo các giao dịch đáng ngờ trong lĩnh vực trò chơi có thưởng theo quy định tại khoản 6 Điều 22 Luật Phòng, chống rửa tiền.

2. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi không giám sát đặc biệt đối với các giao dịch có giá trị lớn bất thường hoặc phức tạp; giao dịch với tổ chức, cá nhân tại quốc gia, vùng lãnh thổ nằm trong danh sách do Lực lượng đặc nhiệm tài chính công bố nhằm chống rửa tiền hoặc danh sách cảnh báo theo quy định tại Điều 16 Luật Phòng, chống rửa tiền, không thường xuyên kiểm tra, làm rõ ngay khi có nghi ngờ giao dịch của người chơi có liên quan đến tài trợ khủng bố.

Điều 55. Hành vi vi phạm quy định về các hành vi bị cấm trong phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố

1. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng đối với hành vi cản trở việc cung cấp thông tin phục vụ công tác phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố.

2. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Tổ chức hoặc tạo điều kiện thực hiện hành vi rửa tiền mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Không tố giác hành vi tài trợ khủng bố.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều này.

Chương III**THẨM QUYỀN XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH, ÁP DỤNG BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ VÀ THỦ TỤC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH****Điều 56. Thẩm quyền xử phạt**

1. Thanh tra viên Tài chính các cấp, chiến sĩ Công an nhân dân, Trưởng Công an cấp xã đang thi hành công vụ có quyền phạt cảnh cáo.

2. Trưởng Công an cấp huyện, Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục chức năng của Bộ Công an có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt quy định tại điểm b khoản này;
- d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các khoản 4, 5, 6, 7 và 8 Điều 4 Nghị định này.

3. Chánh Thanh tra Sở Tài chính, Giám đốc Công an cấp tỉnh có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt quy định tại điểm b khoản này;
- d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

4. Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Bộ Tài chính có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 140.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt quy định tại điểm b khoản này;
- d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

5. Cục trưởng Cục chức năng của Bộ Công an có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 200.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

6. Chánh Thanh tra Bộ Tài chính có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 200.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh có thời hạn theo quy định tại Nghị định này;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

7. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 200.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh có thời hạn theo quy định tại Nghị định này;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

Điều 57. Lập biên bản vi phạm hành chính

1. Khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực trò chơi có thưởng, người có thẩm quyền đang thi hành công vụ quy định tại các Điều 56 Nghị định này phải kịp thời lập biên bản vi phạm hành chính.

2. Biên bản vi phạm hành chính phải được lập đúng nội dung, hình thức, thủ tục theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính và là căn cứ ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Điều 58. Thủ tục xử phạt và các vấn đề khác

1. Nguyên tắc xử phạt, thủ tục xử phạt, thi hành quyết định xử phạt và cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính thực hiện theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn.

2. Việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực trò chơi có thưởng được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 59. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm 2021.
2. Nghị định này bãi bỏ một phần văn bản quy phạm pháp luật sau đây:
 - a) Chương VII Nghị định số 06/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh đặt cược đua ngựa, đua chó và bóng đá quốc tế;
 - b) Chương VII Nghị định số 03/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh casino;
 - c) Chương VII Nghị định số 86/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài;
 - d) Các khoản 13, 14, 15 Điều 1 Nghị định số 175/2016/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều quy định tại Nghị định số 86/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài.

Điều 60. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với hành vi vi phạm xảy ra trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực mà bị phát hiện hoặc xem xét ra quyết định xử phạt khi Nghị định này đã có hiệu lực thì áp dụng quy định của Nghị định này nếu Nghị định này không quy định trách nhiệm pháp lý hoặc quy định trách nhiệm pháp lý nhẹ hơn.
2. Đối với các quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực trò chơi có thưởng đã được ban hành hoặc được thi hành xong trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành mà cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính còn khiếu nại thì áp dụng quy định của Nghị định số 06/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh đặt cược đua ngựa, đua chó và bóng đá quốc tế, Nghị định số 03/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh casino và Nghị định số 86/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài để giải quyết.

Điều 61. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan hướng dẫn thực hiện Nghị định này.
2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung

ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTT.

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Phạm Minh Chính